

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2017.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Đặng Huỳnh Ước My Bà Nguyễn Thái Hà  Bà Lê Thị Xuân Đức  Ông Lê Ngọc Thông  Ông Hoàng Mạnh Tiến  Bà Phạm Ngọc Thanh Mai  Bà Phạm Thị Thu Trang  Bà Phạm Vũ Thanh Hà  Bà Châu Kim Yến	Chủ tịch Thành viên (bổ nhiệm ngày 2.8.2017) Thành viên (bổ nhiệm ngày 15.3.2018) Thành viên (bổ nhiệm ngày 17.7.2017) (miễn nhiệm ngày 17.7.2018) Thành viên (miễn nhiệm ngày 15.3.2018) Thành viên (miễn nhiệm ngày 15.3.2018) Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.12.2017) Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.12.2017) Thành viên (miễn nhiệm ngày 2.8.2017)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Bà Dương Thục Linh Bà Trần Quế Trang  Bà Dương Thục Linh Bà Nguyễn Thị Mỹ Thuyên Ông Đinh Hoàng Triều Ông Đinh Hoàng Triều Ông Trần Anh Vĩnh Thịnh Bà Phạm Thị Thu Trang Ông Nguyễn Tâm Hòa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31.7.2018) Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.2.2018) (miễn nhiệm ngày 31.7.2018) Phó Tổng Giám đốc Thường trực (miễn nhiệm ngày 31.7.2018) Phó Tổng Giám đốc Thường trực (miễn nhiệm ngày 1.1.2018) Phó Tổng Giám đốc Thường trực (bổ nhiệm ngày 31.7.2018) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.2.2018) Phó Tổng Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 3.3.2018) Phó Tổng Giám đốc Thường trực (miễn nhiệm ngày 1.1.2018) Phó Tổng Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 15.10.2017)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Bà Đặng Huỳnh Ước My	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
<b>Trụ sở chính</b>	253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán dùng để lập báo cáo tài chính riêng đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 50. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dương Thục Linh  
Tổng Giám đốc  
Được ủy quyền bởi Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2018



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2018, và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 50.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

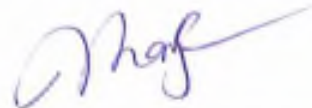
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Hồ Ngọc Thăng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2262-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7441  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2018 VND	2017 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>147.122.145.908</b>	<b>75.256.941.499</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	45.024.511.115	3.903.630.190
111	Tiền		8.024.511.115	3.903.630.190
112	Các khoản tương đương tiền		37.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>99.793.663.702</b>	<b>67.569.889.845</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	3.104.741.590
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	3.992.063.536	6.359.071.852
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	24.033.171.144	40.223.171.144
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	72.385.380.391	18.499.856.628
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(616.951.369)	(616.951.369)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>-</b>	<b>531.675.047</b>
141	Hàng tồn kho		-	531.675.047
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.303.971.091</b>	<b>3.251.746.417</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	255.419.274	200.795.931
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.633.530.758	2.635.929.427
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14(a)	415.021.059	415.021.059
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>659.410.643.541</b>	<b>466.565.255.226</b>
<b>210</b>	<b>Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.991.273.744</b>	<b>2.503.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	4.991.273.744	2.503.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>27.491.794.932</b>	<b>28.569.528.264</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	8.413.526.377	10.219.872.451
222	Nguyên giá		9.894.320.673	12.049.762.174
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.280.794.296)	(1.829.889.723)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	19.078.268.555	18.349.655.813
228	Nguyên giá		19.236.248.553	18.377.062.553
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(157.979.998)	(27.406.740)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>28.002.280.938</b>	<b>28.915.109.514</b>
231	Nguyên giá		31.949.000.000	31.949.000.000
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.946.719.062)	(3.033.890.486)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>87.252.791.311</b>	<b>50.022.890.079</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	87.252.791.311	50.022.890.079
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	12	<b>510.705.771.497</b>	<b>353.154.593.135</b>
251	Đầu tư vào công ty con		511.633.232.091	356.912.053.729
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.830.000.000	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.757.460.594)	(3.757.460.594)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>966.731.119</b>	<b>3.400.134.234</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	966.731.119	3.400.134.234
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>806.532.789.449</b>	<b>541.822.196.725</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2018 VND	2017 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>427.049.872.416</b>	<b>189.037.210.618</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>89.220.892.424</b>	<b>63.162.210.618</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	9.900.611.460	23.885.235.152
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	66.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	14	82.883.098	57.157.204
314	Phải trả người lao động		33.838.368	2.121.211.560
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.493.438.107	2.440.085.451
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	3.735.606.538	8.152.521.251
320	Vay ngắn hạn	17(a)	71.632.238.397	26.440.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.342.276.456	-
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>337.828.979.992</b>	<b>125.875.000.000</b>
338	Vay dài hạn	17(b)	337.828.979.992	125.875.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>379.482.917.033</b>	<b>352.784.986.107</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>379.482.917.033</b>	<b>352.784.986.107</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	350.000.000.000	350.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	18, 19	350.000.000.000	350.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	29.482.917.033	2.784.986.107
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	1.431.684.643
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		29.482.917.033	1.353.301.464
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>806.532.789.449</b>	<b>541.822.196.725</b>


Nguyễn Thị Hương  
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu  
Kế toán trưởngDương Thục Linh  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2018 VND	2017 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.197.239.278	39.175.748.815
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.990.000)	(28.388.000)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.178.249.278	39.147.360.815
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(18.343.127.682)	(18.347.756.376)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.835.121.596	20.799.604.439
21	Doanh thu hoạt động tài chính	87.919.319.480	35.492.552.198
22	Chi phí tài chính	(35.418.168.157)	(19.610.226.066)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(34.886.109.828)	(15.850.305.472)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(30.298.556.711)	(34.252.459.641)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30.037.716.208	2.429.470.930
31	Thu nhập khác	5.763.667	25.415.694
32	Chi phí khác	(560.562.842)	(1.101.585.160)
40	Lỗ khác	(554.799.175)	(1.076.169.466)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.482.917.033	1.353.301.464
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	-
52	Thuế TNDN hoãn lại	27	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.482.917.033	1.353.301.464

Nguyễn Thị Hương  
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu  
Kế toán trưởng

Dương Thục Linh  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	29.482.917.033	1.353.301.464
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	28 1.853.553.871	1.939.838.819
03	Các khoản dự phòng	-	4.374.411.963
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(87.918.800.381)	(35.491.842.198)
06	Chi phí lãi vay	25 34.886.109.828	15.850.305.472
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(21.696.219.649)	(11.973.984.480)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(19.610.928.160)	26.668.661.822
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	531.675.047	(391.663.163)
11	Giảm các khoản phải trả	(21.049.762.488)	(10.362.974.021)
12	Tăng chi phí trả trước	(1.142.315.927)	(390.750.279)
14	Tiền lãi vay đã trả	(32.488.308.481)	(16.140.653.035)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.442.709.651)	(1.274.184.466)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(96.898.569.309)	(13.865.347.622)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(40.681.531.635)	(24.753.899.385)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.516.450.702
23	Chi cho vay	(500.663.000.000)	(59.340.000.000)
24	Thu hồi cho vay	516.853.000.000	36.116.828.856
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(142.514.400.000)	(15.890.659.000)
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	54.630.079.609	24.886.277.110
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(112.375.852.026)	(34.465.001.717)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	-	100.000.000.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	344.636.218.389	93.670.000.000
34	Chi trả nợ gốc vay	(87.490.000.000)	(124.039.000.000)
36	Chi trả cổ tức	(6.750.916.129)	(17.835.377.243)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	250.395.302.260	51.795.622.757
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	41.120.880.925	3.465.273.418
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 3.903.630.190	438.356.772
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 45.024.511.116	3.903.630.190

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm được trình bày ở Thuyết minh 29.

Nguyễn Thị Hương  
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu  
Kế toán trưởng

Dương Thục Linh  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 15 tháng 08 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ giáo dục chung (từ tiểu học đến trung học phổ thông); giáo dục mầm non; dạy nghề; đào tạo đại học và cao đẳng; các loại hình giáo dục khác như tiếng nước ngoài và kỹ năng vi tính; cho thuê và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 98 nhân viên (tại ngày 30 tháng 6 năm 2017: 250 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 22 công ty con (tại ngày 30 tháng 6 năm 2017: 12 công ty con) như trình bày ở Thuyết minh 12 - Đầu tư tài chính dài hạn.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Đầu tư**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Đầu tư (tiếp theo)****(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hằng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	5 năm
Thiết bị quản lý	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian thuê hoạt động.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.10 Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

*Khấu hao*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao hằng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 35 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

### **2.17 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

#### **(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **(b) Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.18 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu dịch vụ giáo dục và đào tạo**

Doanh thu dịch vụ giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(b) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu và khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**(c) Doanh thu cho thuê**

Thu nhập cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**(d) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(e) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm trừ học phí.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.20 Giá vốn**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.21 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê văn phòng; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt	50.791.023	32.010.244
Tiền gửi ngân hàng	7.973.720.092	3.871.619.946
Khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	-
	<u>45.024.511.115</u>	<u>3.903.630.190</u>

(\*) Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn ban đầu là 3 tháng với lãi suất 4,7%/năm.

## 4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Phần mềm và Tư vấn Kim Tự Tháp	1.707.520.000	-
Công ty TNHH Kiến Trúc O	800.000.000	61.700.999
Công ty Cổ phần Xây dựng Thiết bị Công nghệ Phan Gia	569.794.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Đầu tư An Phúc	-	1.128.077.586
Các bên thứ ba khác	619.911.676	1.888.960.452
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b)(ii))	294.837.360	280.332.815
	<u>3.992.063.536</u>	<u>6.359.071.852</u>

## 5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba	7.883.171.144	9.383.171.144
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b)(iii))	16.150.000.000	30.840.000.000
	<u>24.033.171.144</u>	<u>40.223.171.144</u>

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay có kỳ hạn thu hồi còn lại bằng hoặc dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 10,5% đến 11% mỗi năm (30 tháng 6 năm 2017: từ 0,3% đến 11% mỗi năm).



## 6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30.6.2018		30.6.2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>(a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Bên thứ ba				
Phải thu lãi cho vay	4.983.856.376	-	4.004.756.780	-
Tạm ứng cho nhân viên	561.625.800	-	1.176.697.474	-
Khác	738.095.584	(616.951.369)	617.725.103	(616.951.369)
Bên liên quan				
(Thuyết minh 30(b)(iv))	66.101.802.631	-	12.700.677.271	-
	<u>72.385.380.391</u>	<u>(616.951.369)</u>	<u>18.499.856.628</u>	<u>(616.951.369)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 13.605.123.104 đồng và 14.005.653.027 đồng, như đã trình bày trong thuyết minh 7.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

Ký quỹ, ký cược	1.823.300.000	-	2.227.800.000	-
Bên liên quan				
(Thuyết minh 30(b)(v))	2.892.773.744	-	-	-
Khác	275.200.000	-	275.200.000	-
	<u>4.991.273.744</u>	<u>-</u>	<u>2.503.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

## 7 NỢ QUÁ HẠN

Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khác và phải thu về cho vay ngắn hạn quá hạn thanh toán như sau:

	30.6.2018			Số năm quá hạn
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5) (*)	7.883.171.144	7.883.171.144	-	Trên 2 năm
Phải thu lãi cho vay (Thuyết minh 6(a)) (*)	4.983.856.376	4.983.856.376	-	Trên 2 năm
Khác (Thuyết minh 6(a))	738.095.584	121.144.215	616.951.369	Trên 2 năm
	<u>13.605.123.104</u>	<u>12.988.171.735</u>	<u>616.951.369</u>	
	30.6.2017			Số năm quá hạn
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5) (*)	9.383.171.144	9.383.171.144	-	Trên 1 năm
Phải thu lãi cho vay (Thuyết minh 6(a)) (*)	4.004.756.780	4.004.756.780	-	Trên 1 năm
Khác (Thuyết minh 6(a))	617.725.103	1.031.476	616.951.369	Trên 1 năm
	<u>14.005.653.027</u>	<u>13.388.959.400</u>	<u>616.951.369</u>	

(\*) Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu lãi cho vay bị quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 là có khả năng thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Công cụ, dụng cụ	223.614.617	152.139.480
Chi phí khác	31.804.657	48.656.451
	<u>255.419.274</u>	<u>200.795.931</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Công cụ, dụng cụ	966.731.119	3.400.134.234

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	3.600.930.165	3.210.179.886
Tăng trong năm	8.577.594.677	5.161.756.881
Phân bổ trong năm	(7.506.560.083)	(4.549.006.605)
Góp vốn vào các công ty con (Thuyết minh 29(a))	(3.594.628.366)	-
Thanh lý trong năm	-	(221.999.997)
Thay đổi khác	144.814.000	-
Số dư cuối năm	<u>1.222.150.393</u>	<u>3.600.930.165</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	9.583.569.903	873.903.271	1.592.289.000	12.049.762.174
Tăng trong năm	-	1.456.179.109	200.303.400	1.656.482.509
Góp vốn vào các công ty con (Thuyết minh 29(a))	(2.654.536.339)	(976.783.271)	(380.604.400)	(4.011.924.010)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>6.929.033.564</u>	<u>1.353.299.109</u>	<u>1.411.988.000</u>	<u>9.694.320.673</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.115.813.239	439.869.144	274.207.340	1.829.889.723
Khấu hao trong năm	328.236.912	182.202.909	299.712.216	810.152.037
Góp vốn vào các công ty con (Thuyết minh 29(a))	(934.584.018)	(415.648.398)	(9.015.048)	(1.359.247.464)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>509.466.133</u>	<u>206.423.655</u>	<u>564.904.508</u>	<u>1.280.794.296</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>8.467.756.664</u>	<u>434.034.127</u>	<u>1.318.081.660</u>	<u>10.219.872.451</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>6.419.567.431</u>	<u>1.146.875.454</u>	<u>847.083.492</u>	<u>8.413.526.377</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 6.419.567.431 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2017: 6.650.535.223 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17).



## 9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

## (b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	18.095.214.853	281.847.700	18.377.062.553
Tăng trong năm	-	1.004.000.000	1.004.000.000
Khác	-	(144.814.000)	(144.814.000)
	<u>18.095.214.853</u>	<u>1.141.033.700</u>	<u>19.236.248.553</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	18.095.214.853	1.141.033.700	19.236.248.553
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	27.406.740	27.406.740
Khấu hao trong năm	-	130.573.258	130.573.258
	<u>-</u>	<u>157.979.998</u>	<u>157.979.998</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	157.979.998	157.979.998
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	18.095.214.853	254.440.960	18.349.655.813
	<u>18.095.214.853</u>	<u>983.053.702</u>	<u>19.078.268.555</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	18.095.214.853	983.053.702	19.078.268.555

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định vô hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 18.095.214.853 đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17).

## 10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

Nhà cửa, vật kiến trúc  
cho thuê  
VND

<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	31.949.000.000
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	3.033.890.486
Khấu hao trong năm	912.828.576
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	3.946.719.062
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	28.915.109.514
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	28.002.280.938

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17).

## 11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Dự án trường mầm non tại Bến Tre	59.379.742.771	21.422.093.417
Dự án tại Đồng Nai (*)	27.149.452.094	27.149.452.094
Dự án trường mầm non tại Sài Gòn	416.624.967	123.651.316
Mở rộng và nâng cấp tài sản cố định	306.971.479	306.971.479
Dự án trung tâm ngoại ngữ - tin học	-	332.771.773
Dự án khác	-	687.950.000
	<u>87.252.791.311</u>	<u>50.022.890.079</u>

(\*) Đây là chi phí mua lại 5 căn nhà ở để phục vụ cho một dự án của Công ty ở Đồng Nai. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ dự án để thế chấp cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát, một công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát, một cổ đông của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09 – DN

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)**

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	50.022.890.079	42.129.367.385
Xây dựng thêm	42.948.093.349	23.865.048.085
Góp vốn vào các công ty con (Thuyết minh 29(a))	(5.718.192.117)	-
Chuyển sang tài sản cố định	-	(15.971.525.391)
Số dư cuối năm	<u>87.252.791.311</u>	<u>50.022.890.079</u>

12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

(a) Đầu tư vào công ty con

	Địa điểm	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu %	30.6.2018			30.6.2017			
				Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Khối Mầm non</b>										
Trường Mầm non TTC Sài Gòn (ii)	Hồ Chí Minh	Giáo dục	100	18.600.000.000	(i)	-	-	-	-	
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 (ii)	Hồ Chí Minh	Giáo dục	100	11.400.000.000	(i)	-	-	-	-	
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	Bình Dương	Giáo dục	100	2.000.000.000	(i)	-	100	2.000.000.000	(i)	
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	Đồng Nai	Giáo dục	100	1.139.054.816	(i)	-	100	1.139.054.816	(i)	
Trường Mầm non ABI Đồng Nai (iii)	Đồng Nai	Giáo dục	100	4.388.311.388	(i)	-	-	-	-	
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2 (iv)	Đồng Nai	Giáo dục	100	1.930.274.857	(i)	-	-	-	-	
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre (v)	Bến Tre	Giáo dục	100	2.800.000.000	(i)	-	-	-	-	
<b>Khối Tiểu học và Trung học</b>										
Trường THPT Lê Quý Đôn	Đồng Nai	Giáo dục	100	81.715.998.029	(i)	-	100	81.715.998.029	(i)	
Trường THCS - THPT Tân Phú (vi)	Hồ Chí Minh	Giáo dục	100	72.500.000.000	(i)	-	75	47.500.000.000	(i)	
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng (Trước đây là Trường TH - THCS Lê Quý Đôn)	Đồng Nai	Giáo dục	100	35.284.001.971	(i)	-	100	35.284.001.971	(i)	
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	Đồng Nai	Giáo dục	100	25.000.000.000	(i)	-	100	25.000.000.000	(i)	
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	Đồng Nai	Giáo dục	100	16.600.000.000	(i)	-	100	16.600.000.000	(i)	
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân (vii)	Đồng Nai	Giáo dục	100	5.285.528.171	(i)	-	-	-	-	
<b>Khối Đại học và Cao đẳng</b>										
Trường Đại học Yersin Đà Lạt (viii)	Lâm Đồng	Giáo dục	87,78	88.657.340.304	(i)	-	81,96	68.772.940.304	(i)	
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Đồng Nai	Giáo dục	60	51.290.497.109	(i)	-	60	51.290.497.109	(i)	



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09 – DN

**12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

	Địa điểm	Hoạt động chính	30.6.2018				30.6.2017			
			Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Các đơn vị khác</b>										
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh (ix)	Tây Ninh	Giáo dục	100	45.000.000.000	(i)	-	-	-	(i)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	Đồng Nai	Tư vấn thiết kế và xây dựng	89,83	26.843.561.500	(i)	(3.198.547.311)	89,83	26.843.561.500	(i)	(3.198.547.311)
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 (x)	Hồ Chí Minh	Giáo dục	100	20.000.000.000	(i)	-	-	-	(i)	-
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công (xi)	Đồng Nai	Giáo dục	100	566.000.000	(i)	(558.913.283)	100	566.000.000	(i)	(558.913.283)
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC (xii)	Đồng Nai	Giáo dục	100	452.663.946	(i)	-	100	-	(i)	-
Công ty TNHH MTV Học viện TTC (viii)	Hồ Chí Minh	Giáo dục	100	200.000.000	(i)	-	100	200.000.000	(i)	-
				<u>511.633.232.091</u>		<u>(3.757.460.594)</u>		<u>356.912.053.729</u>		<u>(3.757.460.594)</u>

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	Tây Ninh	Giáo dục	10	<u>2.830.000.000</u>	(i)	<u>-</u>	-	<u>-</u>	-	<u>-</u>
--	----------	----------	----	----------------------	-----	----------	---	----------	---	----------

12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có đầy đủ thông tin cần thiết về giá trị hợp lý.
- (ii) Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết tại ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty đã mua lại 100% vốn chủ sở hữu của Trường Mầm non TTC Sài Gòn và Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 được nắm giữ bởi bà Đặng Huỳnh Ước My, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Giá trị chuyển nhượng lần lượt là 18,6 tỷ đồng và 11,4 tỷ đồng cho Trường Mầm non TTC Sài Gòn và Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 và đã được thanh toán trong tháng 2 năm 2018 (Thuyết minh 30(a)(xii)).
- (iii) Trường Mầm non ABI Đồng Nai trước đây là một chi nhánh của Công ty và trở thành công ty con ngày 18 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa. Công ty đã góp vốn bằng tài sản với tổng giá trị là 4.388.311.388 đồng vào tháng 1 năm 2018 (Thuyết minh 30(a)(xii)).
- (iv) Trường Mầm non ABI 2 Đồng Nai trước đây là một chi nhánh của Công ty và trở thành công ty con ngày 31 tháng 5 năm 2017 theo Quyết định số 2202/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa. Công ty đã góp vốn bằng tài sản với tổng giá trị là 1.930.274.857 đồng vào tháng 1 năm 2018 (Thuyết minh 30(a)(xii)).
- (v) Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre được thành lập theo Quyết định số 3663/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2017. Công ty đã góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 2,8 tỷ đồng vào tháng 2 năm 2018 (Thuyết minh 30(a)(xii)).
- (vi) Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ký tại ngày 18 tháng 10 năm 2017, Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp với giá trị là 12,5 tỷ đồng, tương đương với 25% tổng vốn góp của Trường THCS - THPT Tân Phú với giá trị chuyển nhượng là 25 tỷ đồng (Thuyết minh 30(a)(xii)). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Trường THCS - THPT Tân Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 100%.
- (vii) Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân được thành lập theo Quyết định số 2048/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2017. Trong tháng 11 năm 2017, Công ty đã góp vốn bằng tài sản lần 1 với tổng giá trị tài sản là 5.265.528.171 đồng (Thuyết minh 30(a)(xii)).
- (viii) Ngày 25 tháng 8 năm 2017, được sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Công ty đã mua 1.988.440 cổ phần trong tổng số 2.000.000 cổ phần phát hành thêm của trường Đại học Yersin Đà Lạt và do đó tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 lên 87,78% (Thuyết minh 30(a)(xii)).
- (ix) Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314783721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2017, với số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng. Công ty đã góp đủ vốn bằng tiền mặt vào tháng 2 năm 2018 (Thuyết minh 30(a)(xii)).



## 12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (x) Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314016515 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2016, với vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 0916/HĐKT590/CNT-TTC ngày 20 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại 100% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần và Xây dựng Giao thông Vận tải với giá trị chuyển nhượng là 20.000.000.000 đồng. Bên chuyển nhượng đã chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng tại Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 cho Công ty (Thuyết minh 30(a)(xii)).
- (xi) Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603427647 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 9 tháng 12 năm 2016, với vốn điều lệ là 566.000.000 đồng. Tại ngày 24 tháng 4 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định giải thể doanh nghiệp này. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính riêng này, thủ tục giải thể vẫn chưa hoàn tất.
- (xii) Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC được thành lập theo Quyết định số 377/QĐ-SGDĐT do Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2017. Trong tháng 9 năm 2017, Công ty đã góp vốn bằng tài sản với tổng giá trị tài sản là 452.663.946 đồng (Thuyết minh 30(a)(xii)).
- (xiii) Công ty TNHH MTV Học viện TTC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314290652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 3 năm 2017, với vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng. Tại ngày 17 tháng 5 năm 2018, Hội đồng quản trị đã quyết định giải thể doanh nghiệp này. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính riêng này, thủ tục giải thể vẫn chưa hoàn tất.

## 13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2018		30.6.2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Đầu tư An Phúc	7.802.373.650	7.802.373.650	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.979.677.298	1.979.677.298	1.979.677.298	1.979.677.298
Khác	118.560.512	118.560.512	286.794.998	286.794.998
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b)(vi))	-	-	21.618.762.856	21.618.762.856
	<u>9.900.611.460</u>	<u>9.900.611.460</u>	<u>23.885.235.152</u>	<u>23.885.235.152</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

## 14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 30.6.2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
(a) Phải thu					
Thuế TNDN	415.021.059	-	-	-	415.021.059
(b) Phải nộp					
Thuế thu nhập cá nhân	57.157.204	1.345.257.189	(1.319.531.295)	-	82.883.098
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.552.042.665	-	(1.552.042.665)	-
Thuế khác	-	188.941.549	(188.941.549)	-	-
	57.157.204	3.086.241.403	(1.508.472.844)	(1.552.042.665)	82.883.098

## 15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	1.206.611.510	1.325.441.000
Lãi vay phải trả	530.383.456	560.555.267
Khác	756.443.141	554.089.184
	2.493.438.107	2.440.085.451

## 16 PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba		
Cổ tức phải trả	-	1.506.635.544
Khác	330.520.735	157.101.166
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b)(vii))	3.405.085.803	6.488.784.541
	3.735.606.538	8.152.521.251



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

17 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 30.6.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
<b>(a) Vay ngắn hạn</b>					
Vay ngân hàng (****)	22.450.000.000	10.000.000.000	(30.450.000.000)	14.700.000.000	16.700.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông</i>					
– Chi nhánh Tân Bình ("OCB")	10.000.000.000	10.000.000.000	(18.000.000.000)	-	2.000.000.000
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả	12.450.000.000	-	(12.450.000.000)	14.700.000.000	14.700.000.000
Vay bên thứ ba (*)	1.900.000.000	-	(1.900.000.000)	-	-
Vay cá nhân (**)	1.300.000.000	-	(1.300.000.000)	-	-
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 30(b)(viii))	790.000.000	99.532.238.397	(45.390.000.000)	-	54.932.238.397
	<u>26.440.000.000</u>	<u>109.532.238.397</u>	<u>(79.040.000.000)</u>	<u>14.700.000.000</u>	<u>71.632.238.397</u>
<b>(b) Vay và nợ dài hạn</b>					
Vay ngân hàng (****)	134.075.000.000	-	(12.450.000.000)	-	121.625.000.000
OCB	117.075.000.000	-	(10.450.000.000)	-	106.625.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
– Chi nhánh Bình Tây ("VCB")	17.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	15.000.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 30(b)(ix))	3.250.000.000	8.700.000.000	(8.450.000.000)	-	3.500.000.000
Trái phiếu	1.000.000.000	229.673.879.996	(3.269.900.004)	-	227.403.979.992
Trái phiếu đã phát hành (***)	1.000.000.000	229.100.000.000	-	-	230.100.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	-	573.879.996	(3.269.900.004)	-	(2.696.020.008)
	<u>138.325.000.000</u>	<u>238.373.879.996</u>	<u>(24.169.900.004)</u>	<u>-</u>	<u>352.528.979.992</u>
Vay dài hạn đến hạn trả					
OCB	(10.450.000.000)	-	10.450.000.000	(12.700.000.000)	(12.700.000.000)
VCB	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
	<u>(12.450.000.000)</u>	<u>-</u>	<u>12.450.000.000</u>	<u>(14.700.000.000)</u>	<u>(14.700.000.000)</u>
	<u>125.875.000.000</u>	<u>238.373.879.996</u>	<u>(11.719.900.004)</u>	<u>(14.700.000.000)</u>	<u>337.828.979.992</u>

## 17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

- (\*) Khoản vay bên thứ ba là khoản vay tín chấp từ Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam, chịu mức lãi suất 10,5% mỗi năm.
- (\*\*) Đây là khoản vay tín chấp chịu mức lãi suất 6% mỗi năm.
- (\*\*\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.500.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5% một năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm và đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, và đảm bảo bằng tài sản của bà Đặng Huỳnh Úc My, Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành thêm 801.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5% một năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (cổ đông của Công ty) và đảm bảo bằng tài sản của một cá nhân (ông Huỳnh Đăng Khoa).

Chi tiết số dư trái phiếu cuối năm như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (TCBS)	160.000.000.000	-
Quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF)	44.000.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	25.000.000.000	-
Bà Phan Thị Thanh Thảo	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Chung Thị Mỹ Dung	100.000.000	-
	<u>230.100.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

## 17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(\*\*\*\*) Chi tiết số dư các khoản vay ngân hàng cuối năm như sau:

Ngân hàng	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
OCB	77.000.000.000	83.500.000.000	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2015 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường THCS - THPT Tân Phú
OCB	29.625.000.000	33.575.000.000	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 2 tháng 12 năm 2025	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 10 và 11) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường THCS - THPT Tân Phú
VCB	15.000.000.000	17.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	Năm 1: 7,2% Năm 2 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường THPT Lê Quý Đôn
OCB	2.000.000.000	10.000.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2018	Lãi suất tiết kiệm 6 tháng của ngân hàng + tối thiểu 2,4%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 10 và 11)
	<u>123.625.000.000</u>	<u>144.075.000.000</u>			
Vay ngắn hạn	(16.700.000.000)	(22.450.000.000)			
Vay dài hạn	<u>106.925.000.000</u>	<u>121.625.000.000</u>			

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có khoản vay nào bị quá hạn thanh toán.



## 18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

## (a) Số lượng cổ phiếu và vốn cổ phần

	30.6.2018		30.06.2017	
	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	35.000.000	350.000.000.000	35.000.000	350.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

## (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2018		30.6.2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Đặng Huỳnh Úc My	30.650.000	87,57	2.350.833	6,72
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	3.750.000	10,71	25.421.667	72,63
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	-	5.000.000	14,29
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	-	-	1.977.500	5,65
Khác	600.000	1,72	250.000	0,71
	<u>35.000.000</u>	<u>100</u>	<u>35.000.000</u>	<u>100</u>

## 19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	250.000.000.000	9.318.929.102	259.318.929.102
Vốn tăng trong năm	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.353.301.464	1.353.301.464
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.136.328.330)	(1.136.328.330)
Chia cổ tức trong năm	-	(6.750.916.129)	(6.750.916.129)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>350.000.000.000</u>	<u>2.784.986.107</u>	<u>352.784.986.107</u>
Lợi nhuận trong năm	-	29.482.917.033	29.482.917.033
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.784.986.107)	(2.784.986.107)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>350.000.000.000</u>	<u>29.482.917.033</u>	<u>379.482.917.033</u>

**19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 8 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 350 tỷ đồng đã góp đủ.

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông.

**20 CỔ TỨC PHẢI TRẢ**

Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	6.756.635.544	17.841.096.658
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 19)	-	6.750.916.129
Cổ tức đã chi trả	(6.750.916.129)	(17.835.377.243)
Điều chỉnh khác	(5.719.415)	-
Số dư cuối năm	-	6.756.635.544

**21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÀN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Tài sản thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 25.111.156.200 đồng và 17.827.207.333 đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Thuyết minh 31).

## 22 DOANH THU THUẦN

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu dịch vụ giáo dục	24.735.628.318	37.574.008.583
Doanh thu cho thuê	1.391.700.960	1.222.680.960
Doanh thu bán hàng	69.910.000	379.059.272
	<u>26.197.239.278</u>	<u>39.175.748.815</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm trừ học phí	(18.990.000)	(28.388.000)
	<u>(18.990.000)</u>	<u>(28.388.000)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về dịch vụ giáo dục	24.716.638.318	37.545.620.583
Doanh thu thuần về cho thuê	1.391.700.960	1.222.680.960
Doanh thu thuần về bán hàng	69.910.000	379.059.272
	<u>26.178.249.278</u>	<u>39.147.360.815</u>

## 23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	10.147.090.772	8.986.728.611
Chi phí thuê	1.676.733.705	1.035.970.958
Chi phí thực phẩm	1.517.111.635	1.091.247.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.525.445.660	1.893.838.102
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.416.715.427	2.635.750.864
Phí đào tạo	293.438.367	-
Chi phí tiện ích	187.999.085	52.030.431
Khác	1.578.593.031	2.652.189.795
	<u>18.343.127.682</u>	<u>18.347.756.376</u>



## 24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018	2017
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 30(a)(x))	76.849.822.160	34.139.143.788
Lãi cho vay	11.048.256.318	1.337.849.529
Lãi tiền gửi	20.721.903	14.848.881
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	519.099	710.000
	<u>87.919.319.480</u>	<u>35.492.552.198</u>

## 25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018	2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	34.886.109.828	15.850.305.472
Chi phí phát hành trái phiếu	532.058.329	-
Dự phòng các khoản đầu tư	-	3.757.460.594
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	2.460.000
	<u>35.418.168.157</u>	<u>19.610.226.066</u>

## 26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.133.372.342	21.061.706.814
Chi phí thuê văn phòng	3.032.651.002	2.862.823.322
Công cụ, dụng cụ	1.439.768.404	2.546.363.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.334.510.789	567.937.419
Chi phí đào tạo	1.276.531.956	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	328.108.211	46.000.717
Chi phí thực phẩm	112.985.580	2.301.638.131
Chi phí khác	4.640.628.427	4.865.990.232
	<u>30.298.556.711</u>	<u>34.252.459.641</u>

## 27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

## (a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.482.917.033	1.353.301.464
Thuế tính theo thuế suất 20%	5.896.583.407	270.660.293
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(15.369.964.432)	(6.827.828.758)
Chi phí không được khấu trừ	15.692.905	135.242.224
Lỗi tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.457.688.120	6.421.926.241
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-

(\*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

## (b) Thuế TNDN hoãn lại

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm/kỳ phát sinh	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND
Năm tài chính kết thúc 31.12.2014	Đã quyết toán	212.204.463
Năm tài chính kết thúc 31.12.2015	Chưa quyết toán	889.803.955
Giai đoạn từ 1.1.2016 đến 30.6.2016	Chưa quyết toán	7.285.426.415
Năm tài chính kết thúc 30.6.2017	Chưa quyết toán	32.109.631.203
Năm tài chính kết thúc 30.6.2018	Chưa quyết toán	47.288.440.601

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này trước khi hết hạn được đánh giá là không chắc chắn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có chênh lệch tạm thời đáng kể khác giữa cơ sở kế toán và cơ sở tính thuế do đó không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại.



## 28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	28.280.463.114	30.048.435.425
Chi phí thuê	4.709.384.707	3.898.794.280
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.856.483.831	5.182.113.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.853.553.871	1.939.838.819
Chi phí thực phẩm	1.630.097.215	3.392.885.746
Chi phí chuyên gia	1.569.970.323	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.522.509.874	619.967.850
Chi phí khác	6.219.221.458	7.518.180.027
	<u>48.641.684.393</u>	<u>52.600.216.017</u>

## 29 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT")

## (a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Góp vốn đầu tư vào các công ty con bằng:		
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9(a))	2.652.676.546	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	5.718.192.117	-
Chi phí trả trước (Thuyết minh 8)	3.594.628.366	-
Mua phần vốn góp của công ty con đã thanh toán trong năm 2017	3.000.000.000	-
Mua phần vốn góp ở công ty con chưa thanh toán	-	21.350.731.304
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần	2.784.986.107	1.136.328.330
	<u>2.784.986.107</u>	<u>1.136.328.330</u>

## (b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Vay theo kế ước thông thường	118.232.238.397	93.670.000.000
Phát hành trái phiếu thường	226.403.979.992	-
	<u>344.636.218.389</u>	<u>93.670.000.000</u>

## (c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Vay theo kế ước thông thường	87.490.000.000	124.039.000.000
	<u>87.490.000.000</u>	<u>124.039.000.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	6.000.000.000	6.000.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	4.800.000.000	4.800.000.000
Trường THCS - THPT Tân Phú	2.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	2.100.000.000	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	1.308.883.888	1.459.033.125
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	143.671.547	429.392.409
	<u>16.952.555.435</u>	<u>12.688.425.534</u>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty con		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	683.297.487	2.063.087.233
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	148.369.086	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	12.003.550	-
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	-	429.392.409
Công ty TNHH MTV Học Viện Thành Thành Công	-	60.938.182
Các công ty thành viên cùng Tập đoàn	4.929.296.824	787.707.491
Bên liên quan khác	3.087.796.466	1.192.877.947
	<u>8.860.763.413</u>	<u>4.534.003.262</u>
<b>iii) Bán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ</b>		
Công ty con		
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	-	2.738.450.699
<b>iv) Mua tài sản cố định, công cụ, dụng cụ</b>		
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công	-	90.772.440

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>v) Đi vay</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Giáo Dục Thành Thành Công - Tây Ninh	44.990.000.000	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	18.400.000.000	1.200.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	9.000.000.000	4.000.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	8.700.000.000	5.300.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	6.050.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo Dục 590	5.492.238.397	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	4.950.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	2.000.000.000	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	2.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	1.900.000.000	500.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	1.500.000.000	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	700.000.000	-
Trường THCS - THPT Tân Phú	600.000.000	9.900.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	1.470.000.000
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	-	1.000.000.000
<b>Bên liên quan khác</b>	1.500.000.000	48.000.000.000
	<u>108.232.238.397</u>	<u>71.370.000.000</u>

## 30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>vi) Chi phí lãi vay</b>		
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	1.811.907.945	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	1.055.547.360	138.333
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590 Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	237.662.684	-
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	167.510.913	415.399.999
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	116.428.177	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	114.933.743	42.927.552
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	90.802.739	1.235.834
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	83.072.603	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	76.163.906	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	46.727.607	-
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn Quyết Thắng	22.572.602	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	4.098.630	-
Trường THCS - THPT Tân Phú	-	541.667
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	1.627.397	3.664.165
Trung Tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	268.889	1.128.666
Các công ty thành viên cùng Tập đoàn	-	20.941.666
Các công ty thành viên cùng Tập đoàn	40.000	-
Bên liên quan khác	6.708.334	1.303.414.554
	<u>3.836.073.529</u>	<u>1.789.392.436</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>vii) Cho vay</b>		
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	21.560.000.000	450.000.000
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	19.300.000.000	11.690.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	17.910.000.000	14.020.000.000
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	13.250.000.000	6.870.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	11.610.000.000	7.900.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	3.730.000.000	
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	2.570.000.000	430.000.000
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	2.650.000.000	2.440.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	600.000.000	-
Trung Tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	333.000.000	-
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	300.000.000	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	50.000.000	-
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công	-	40.000.000
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	406.500.000.000	15.500.000.000
	<u>500.363.000.000</u>	<u>59.340.000.000</u>
<b>viii) Lãi từ cho vay</b>		
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	573.712.116	53.333
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	249.950.470	6.448.667
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	191.245.048	3.916.550
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	186.038.380	8.762.367
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	118.505.664	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	108.194.332	769.167
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	90.956.250	258.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Đồng Nai	14.074.676	35.333
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	11.209.704	-
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	7.405.445	-
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	2.016.666	-
Công ty TNHH MTV Học Viện Thành Thành Công	-	16.000
Trường Mầm Non TTC Sài Gòn	90.411	-
Bên liên quan khác	8.515.757.560	19.125.000
	<u>10.069.156.722</u>	<u>39.384.417</u>

## 30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>ix) Chia cổ tức</b>		
Bên liên quan khác	-	5.250.000.000
<b>x) Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 24)</b>		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	26.544.113.179	22.121.418.987
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	19.309.273.991	2.924.530.908
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	14.196.678.325	-
Trường THCS - THPT Tân Phú	11.159.895.327	5.686.493.959
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	2.278.351.574	3.164.747.465
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	2.180.386.271	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	654.907.421	17.387.469
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	420.492.274	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	105.723.798	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	-	224.565.000
	<u>76.849.822.160</u>	<u>34.139.143.788</u>
<b>xi) Nhận chuyển nhượng vốn góp (Thuyết minh 11)</b>		
Cổ đông	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>

## 30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>xii) Góp vốn vào công ty con (Thuyết minh 12(a))</b>		
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	45.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	20.000.000.000	-
Trường THCS - THPT Tân Phú	25.000.000.000	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	19.884.400.000	36.475.390.304
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	18.600.000.000	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	11.400.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	4.388.311.388	-
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	5.265.528.171	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	2.800.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	1.930.274.857	-
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	452.663.946	-
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công	-	566.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Học viện TTC	-	200.000.000
	<u>154.721.178.362</u>	<u>37.241.390.304</u>

**xiii) Góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 12(b))**

Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	<u>2.830.000.000</u>	<u>-</u>
--	----------------------	----------

**xiv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>4.950.723.090</u>	<u>3.265.283.513</u>
---------------------------------	----------------------	----------------------



## 30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	-	1.100.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	-	1.371.258.606
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	225.147.134
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	-	394.224.954
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	11.282.910
	<u>-</u>	<u>3.101.913.604</u>
<b>ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 4)</b>		
Bên liên quan khác	<u>294.837.360</u>	<u>280.332.815</u>
<b>iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty con		
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	5.400.000.000	5.140.000.000
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	3.900.000.000	4.270.000.000
Trường THCS - THPT Tân Phú	2.200.000.000	450.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tư thục Thái Bình Dương	1.900.000.000	7.240.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	1.500.000.000	3.300.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	850.000.000	-
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	400.000.000	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	-	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	1.940.000.000
Bên liên quan khác	-	8.500.000.000
	<u>16.150.000.000</u>	<u>30.840.000.000</u>

## 30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))</b>		
Phải thu cổ tức		
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	11.921.389.286	1.461.493.959
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	7.245.161.927	6.876.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	8.674.113.179	2.338.418.987
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	6.709.133.331	699.859.340
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	924.074.183	1.173.425.229
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	462.562.630	-
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	420.492.274	-
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	248.266.126	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	105.723.798	-
	<u>36.710.916.734</u>	<u>12.549.197.515</u>
Phải thu lãi cho vay		
Công ty con		
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	52.336.979	2.585.667
Trường THCS - THPT Tân Phú	39.720.547	53.333
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	29.715.068	951.166
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	26.113.698	8.762.368
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	13.627.398	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	1.356.164	256.667
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	1.086.932	15.333
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	723.288	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	258.000
Bên liên quan khác	2.531.524.935	2.597.222
	<u>2.696.205.009</u>	<u>15.479.756</u>
Khoản chi hộ		
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	26.863.008	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	21.327.000	-
	<u>48.190.008</u>	<u>-</u>

## 30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a)) (tiếp theo)</b>		
Tạm ứng cho Ban Tổng Giám đốc	14.042.975.622	136.000.000
Phải thu khác		
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	2.860.000.000	-
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	2.640.000.000	-
Công ty TNHH MTV Giáo Dục Thành Thành Công - Tây Ninh	2.100.000.000	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	1.160.459.693	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	939.509.176	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	660.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	468.713.080	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	336.237.264	-
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre	158.411.000	-
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	99.395.709	-
Các công ty thành viên cùng Tập đoàn Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	1.168.928.336	-
Các bên liên quan khác	11.861.000	-
	<u>12.603.515.258</u>	<u>-</u>
	<u>66.101.802.631</u>	<u>12.700.677.271</u>
<b>v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))</b>		
Công ty thành viên cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	892.773.744	-
	<u>2.892.773.744</u>	<u>-</u>
<b>vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)</b>		
Công ty con		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	-	172.141.552
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công	-	23.595.000
Các công ty thành viên cùng Tập đoàn	-	21.423.026.304
	-	<u>21.618.762.856</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)</b>		
Cổ tức phải trả Bên liên quan khác	-	5,250,000.000
Chi phí lãi vay phải trả Bên liên quan khác	-	255,875.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	1,811,907,945	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	237,662,684	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	202,755,617	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	97,342,465	21,749,999
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	91,231,079	19,038,666
Trường THPT Lê Quý Đôn	81,219,178	1,235,834
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	76,163,906	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	68,350,685	-
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	51,986,302	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	22,572,602	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	21,276,713	-
Trường THCS - THPT Tân Phú	601,564	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	-	191,667
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	248,083
	<u>2,763,070,740</u>	<u>298,339,249</u>
Lãi phạt do trả chậm Công ty thành viên cùng tập đoàn	-	177,882,761
Phải trả khác Công ty con		
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	495,767,740	688,112,531
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	146,247,323	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	-	74,450,000
	<u>642,015,063</u>	<u>762,562,531</u>
	<u>3,405,085,803</u>	<u>6,488,784,541</u>

## 30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
<b>viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))</b>		
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	35.280.000.000	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	9.370.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	3.582.238.397	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	2.400.000.000	570.000.000
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	2.000.000.000	-
Trường Mầm non Quốc Tế ABI Bến Tre	1.200.000.000	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	700.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	400.000.000	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	220.000.000
	<u>54.932.238.397</u>	<u>790.000.000</u>

## ix) Vay dài hạn (Thuyết minh 17(b))

Công ty con		
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	3.500.000.000	3.250.000.000
	<u>3.500.000.000</u>	<u>3.250.000.000</u>

## 31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

## (a) Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	8.327.674.976	3.238.207.333
Từ 1 đến 5 năm	16.651.481.224	11.376.000.000
Trên 5 năm	132.000.000	3.213.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>25.111.156.200</u>	<u>17.827.207.333</u>

**31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

(b) Công ty nhận được mức tối thiểu cho các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018	2017
	VND	VND
Dưới 1 năm	934.680.960	365.890.080
Từ 1 đến 5 năm	77.890.080	288.000.000
<b>Tổng cộng các khoản thu tối thiểu</b>	<b>1.012.571.040</b>	<b>653.890.080</b>

**32 CAM KẾT VỐN**


Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính riêng như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2018	2017
	VND	VND
Cam kết vốn đầu tư xây dựng Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	-	14.205.324.595

**33 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính riêng năm nay.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2018.

  
 \_\_\_\_\_  
 Nguyễn Thị Hương  
 Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
 Nguyễn Danh Hiếu  
 Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
 Dương Thục Linh  
 Tổng Giám đốc  
 Chữ ký được ủy quyền

